

Số: 168 /QĐ-ĐHHHVN-TCHC

Hải Phòng, ngày 25 tháng 01 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên  
Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TTLT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/3/2013 về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 về Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc thông qua Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

**Điều 2.** Quy định này được áp dụng từ năm học 2020-2021 và thay thế Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2239/QĐ-ĐHHHVN-TCCB ngày 20/10/2016. Các quy định trước đây trái với quy định ban hành kèm theo Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: TC-HC, KH-TC; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Trường ĐHHHVN chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Lưu: VT, TCHC.



**PGS.TS. Phạm Xuân Dương**

## QUY ĐỊNH

### Chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 168 /QĐ-ĐHHVN-TCHC ngày 25 / 01/2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, bao gồm: Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên, thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học; quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy và chế độ làm việc vượt định mức lao động.

2. Quy định này áp dụng đối với giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên và trợ giảng (sau đây gọi chung là giảng viên) thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và giảng viên là sĩ quan quân đội biệt phái tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam .

3. Những quy định về thanh toán đối với các công việc của giảng viên được áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

#### **Điều 2. Mục đích**

1. Cụ thể hóa nội dung Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học để vận dụng đúng pháp luật, phù hợp với thực tế hoạt động giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Làm căn cứ để các phòng, khoa, viện, bộ môn kiểm tra, thẩm định, đánh giá, chương trình đào tạo và bồi dưỡng giảng viên.

3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Làm cơ sở để Nhà trường thanh toán chế độ cho giảng viên có khối lượng vượt định mức giờ chuẩn theo quy định tại văn bản này.

#### **Điều 3. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên**

##### **1. Nhiệm vụ**

##### **a) Giảng viên cao cấp (hạng I)**

- Giảng dạy; hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;

- Chủ trì xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng, phát triển

chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;

- Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học; định hướng nghiên cứu khoa học cho khoa, nhóm chuyên môn;

- Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của khoa và chuyên ngành; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

- Tổ chức hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của người học để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng;

- Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành;

- Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### b) Giảng viên chính (hạng II)

- Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

- Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;

- Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Chủ trì, tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

- Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập;

- Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành;

- Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### c) Giảng viên (hạng III)

- Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

- Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo;

- Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo);

- Tổ chức, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, các đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

- Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập;

- Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### d) Trợ giảng (hạng III)

- Hỗ trợ giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, thực tập và chấm bài;

- Quản lý phòng thực hành, thí nghiệm; Đảm bảo tính sẵn sàng của trang thiết bị phục vụ cho việc thực hành, thí nghiệm, thực tập theo kế hoạch của Trường và đơn vị;

- Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### 2. Các nhiệm vụ khác của giảng viên

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo các văn bản quy phạm của pháp luật và các quy định khác của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam không được quy định tại quy định này theo sự phân công của lãnh đạo Trường và thủ trưởng đơn vị.

3. Giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng

Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư và nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

## Chương II

### THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Điều 4. Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và định mức giờ chuẩn giảng dạy**

1. Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

Tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học được phân chia cho từng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Đối với các chức danh giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp:

Nhiệm vụ	Giảng viên cao cấp (hạng I)	Giảng viên chính (hạng II)	Giảng viên (hạng III)
Giảng dạy	780	750	720
Nghiên cứu khoa học	800	700	600
Hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác	180	310	440
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.760</b>	<b>1.760</b>	<b>1.760</b>

- Đối với chức danh Trợ giảng, các nhiệm vụ theo quy định được thực hiện trong phạm vi tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học; chế độ làm việc 8 giờ/01 ngày và 5 ngày/01 tuần.

2. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy và được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

Đối với các nội dung giảng dạy có tính chất đặc thù, các tiết giảng trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) trên 50 phút do các đơn vị tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng quyết định quy đổi cho phù hợp.

4. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên trong một năm học được quy định trong khoảng từ 200 đến 350 giờ chuẩn giảng dạy (tương đương từ 600 đến 1.050 giờ hành chính); trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định.

Định mức giờ chuẩn giảng dạy trong một năm học tương ứng với từng chức danh giảng viên như sau:

STT	Chức danh giảng viên	Mã số chức danh nghề nghiệp	Giờ chuẩn giảng dạy
1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	V.07.01.01	260
2	Giảng viên chính (hạng II)	V.07.01.02	250
3	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	240

#### 5. Trường hợp đặc biệt

a) Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc được miễn giảm 100% định mức giờ chuẩn giảng dạy, đồng thời được miễn giảm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để dành thời gian tham gia dự giờ, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế.

b) Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp BHXH, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ được hưởng trợ cấp BHXH (số tháng nghỉ). Giảng viên nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được miễn giảm 10% định mức giờ chuẩn giảng dạy và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học/ năm học.

c) Giảng viên được Nhà trường cử đi đào tạo sau đại học, bồi dưỡng ngắn hạn và đi công tác:

- Trong thời gian học sau đại học không tập trung trong nước, được miễn 90% giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học; được hưởng phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

- Trong thời gian học sau đại học tập trung trong nước được miễn 100% giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học; không được hưởng phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

- Giảng viên được cử đi học tập, bồi dưỡng ngắn hạn, đi công tác, huấn luyện Sĩ quan dự bị và Dân quân tự vệ tập trung có thời gian 01 tháng trở lên được miễn khối lượng giảng dạy 10% giờ chuẩn/ 01 tháng.

#### **Điều 5. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể**

1. Giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định tại khoản 4 Điều 4 của Quy định này):

STT	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể	Định mức
<b>I.</b>	<b>Bổ nhiệm công tác quản lý:</b>	
1.	Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng	15%
2.	Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng	20%
3.	Trưởng phòng và tương đương, Thư ký Hội đồng trường	25%
4.	Phó Trưởng phòng và tương đương	30%
5.	Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa và tương đương	
a)	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên	
	- Trưởng khoa	60%
	- Phó Trưởng khoa	70%
b)	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học:	
	- Trưởng khoa:	70%
	- Phó Trưởng khoa:	80%
6.	Trưởng Bộ môn	80%
7.	Phó Trưởng bộ môn	85%
8.	Giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong cơ sở giáo dục đại học có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính	
<b>II.</b>	<b>Kiểm nhiệm công tác Đảng</b>	
1.	Bí thư Đảng ủy Trường	15%
2.	Phó Bí thư Đảng ủy Trường	30%
3.	Bí thư đảng bộ cơ sở, Bí thư chi bộ cơ sở, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch hội cựu chiến binh	85%
4.	Phó Bí thư đảng bộ cơ sở, Phó Bí thư chi bộ cơ sở, Phó Trưởng ban thanh tra nhân dân, Bí thư chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở	90%
5.	Phó Bí thư chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở	95%
<b>III.</b>	<b>Kiểm nhiệm công tác Công đoàn:</b> Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giảng viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
<b>IV.</b>	<b>Kiểm nhiệm công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên:</b> Thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng	



	sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề. Cụ thể như sau:	
1.	Bí thư Đoàn trường	30%
2.	Phó Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội sinh viên Trường	40%
3.	Phó Chủ tịch Hội sinh viên Trường	50%
4.	Bí thư liên chi (Khoa có > 1.000 sinh viên)	60%
5.	UVTV Đoàn trường, Bí thư liên chi (Khoa có <1.000 sinh viên)	80%
6.	Phó Bí thư liên chi, Bí thư Chi đoàn giáo viên	85%
7.	Phó Bí thư Chi đoàn giáo viên	90%
<b>V.</b>	<b>Kiểm nhiệm công tác khác</b>	
1.	Trợ lý công tác sinh viên, Trợ lý khoa học, Trợ lý thực tập	85%
2.	Cán bộ, viên chức tại các phòng, ban, trung tâm và các đơn vị khối hành chính, phục vụ là giảng viên	35%
3.	Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy	

**Chú ý:** Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều này.

2. Giảng viên được phân công làm công tác cố vấn học tập được thanh toán theo Quy định hiện hành về công tác cố vấn học tập sinh viên của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

#### **Điều 6. Quy định về nghiên cứu khoa học**

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Không quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với trợ giảng.

2. Việc giao và triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, chiến lược phát triển của Trường, khoa và phù hợp với năng lực chuyên môn của giảng viên.

3. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên phải thể hiện việc tham gia ít nhất một trong các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cán bộ, giảng viên quy định trong "Quy định hoạt động KHCN tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam" hiện hành.

4. Định mức giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên trong một năm học tương ứng với từng chức danh giảng viên như sau:

STT	Chức danh viên chức giảng dạy	Mã số chức danh nghề nghiệp	Giờ nghiên cứu khoa học
1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	V.07.01.01	800
2	Giảng viên chính (hạng II)	V.07.01.02	700
3	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	600

### 5. Quy đổi giờ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học:

Tất cả các công trình được tính giờ quy đổi phải lấy tên đơn vị là Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (Vietnam Maritime University), được hoàn thành trong năm học và có báo cáo thông tin với Phòng Khoa học - Công nghệ theo quy định hiện hành.

#### a. Bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành

TT	Bài báo khoa học	Mức giờ quy đổi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI/Scopus</b>		- Danh mục tạp chí quốc tế có uy tín là các tạp chí thuộc danh mục sau đây: + Danh mục tạp chí ISI của Viện Thông tin khoa học quốc tế, Hoa Kỳ; + Tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier; + Tạp chí khoa học thuộc các Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới, như: Elsevier, Springer, Wiley-Blackwell, Taylor&Francis, Sage, Oxford University Press, Cambridge University Press, Emerald, Macmillan Publisher, Inderscience Publishers, Edward Elgar Publishing.
1.1	Tạp chí trong nhóm Q1 được Web of Science xếp hạng thuộc lĩnh vực nghiên cứu của bài báo	2200	
1.2	Tạp chí trong nhóm Q2 được Web of Science xếp hạng thuộc lĩnh vực nghiên cứu của bài báo	2000	
1.3	Tạp chí trong nhóm Q3 được Web of Science xếp hạng thuộc lĩnh vực nghiên cứu của bài báo	1800	
1.4	Tạp chí trong nhóm Q4 được Web of Science xếp hạng thuộc lĩnh vực nghiên cứu của bài báo	1600	
1.5	Tạp chí thuộc danh mục Scopus có phản biện độc lập được Scimago xếp hạng Q1 và Q2	1400	
1.6	Tạp chí thuộc danh mục Scopus có phản biện độc lập được Scimago xếp hạng Q3 và Q4	1000	- Danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm là danh sách được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công bố hàng năm. - Các bài báo công bố phải được phân vào các Volume, Issue, số tạp chí cụ thể (là điều kiện bắt buộc để tính số giờ khoa học quy đổi cho năm học hiện tại).
1.7	Tạp chí thuộc danh mục Scopus Open Access có phản biện độc lập được Scimago xếp hạng Q3 và Q4	800	
<b>2</b>	<b>Tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm</b>		- Đối với bài báo khoa học do tập thể thực hiện thì cách tính số giờ chuẩn theo tỷ lệ sau: 1/3 số giờ chuẩn quy đổi đối với Tác giả chính (trường hợp bài báo có Tác giả Thứ nhất, Tác giả liên hệ chính thì mỗi tác giả được tính 50% của 1/3 số giờ chuẩn quy đổi; trường hợp bài báo không xác định rõ Tác giả liên hệ chính
2.1	Tạp chí được Hội đồng GSNN tính điểm tối đa 0,5 điểm công trình quy đổi theo quy định hiện hành trở lên	600	
2.2	Tạp chí được Hội đồng GSNN tính điểm công trình quy đổi khác theo quy định hiện hành	500	
<b>3</b>	<b>Tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và nước ngoài khác có chỉ số ISSN</b>	300	

			<i>thì Tác giả thứ nhất sẽ là Tác giả chính của bài báo; trường hợp bài báo có đồng Tác giả chính thì 1/3 số giờ chuẩn quy đổi sẽ chia đều cho các Tác giả chính), 2/3 số giờ chuẩn quy đổi còn lại chia cho tất cả các thành viên (bao gồm cả Tác giả chính); trường hợp không thể xác định được cụ thể đóng góp của mỗi người thì chia đều cho từng người.</i>
4	<b>Phản biện bản thảo bài đăng trên Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải và các báo cáo Hội nghị - Hội thảo khoa học do Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức</b>	100	Do Hội đồng Biên tập Tạp chí hoặc Phòng Khoa học - Công nghệ xác nhận. Được tính giờ chuẩn quy đổi đối với mỗi phản biện/bản thảo bài đăng

**b. Báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học**

TT	Báo cáo khoa học	Mức giờ quy đổi	Ghi chú
1	Báo cáo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus	800	- Nếu một báo cáo được trình bày tại các hội nghị, hội thảo khoa học các cấp khác nhau thì chỉ được tính một lần theo cấp cao nhất. - Các báo cáo tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế phải được phản biện độc lập, được đăng toàn văn trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có mã định danh ISSN/ISBN.
2	Báo cáo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế viết bằng tiếng nước ngoài có phản biện	600	- Các báo cáo tham gia hội nghị, hội thảo cấp Khoa/Viện phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung và hình thức của một báo cáo khoa học và thông qua quy trình thẩm định của Hội đồng Đào tạo & Khoa học công nghệ của Khoa/Viện; Mỗi giảng viên chỉ được tính số giờ chuẩn quy đổi tối đa 02 báo cáo/01 năm học.
4	Báo cáo khoa học tại hội thảo quốc gia có phản biện, được chọn đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học của hội thảo	400	- Đối với báo cáo khoa học do tập thể thực hiện thì cách tính số giờ chuẩn theo tỷ lệ sau: 1/3 số giờ chuẩn quy đổi đối với Tác giả chính ( <i>trường hợp báo cáo có Tác giả Thứ nhất, Tác giả liên hệ chính thì mỗi Tác giả được</i>

5	Báo cáo khoa học tại hội thảo cấp Khoa/Viện	150	tính 50% của 1/3 số giờ chuẩn quy đổi; trường hợp báo cáo không xác định rõ Tác giả liên hệ chính thì Tác giả thứ nhất sẽ là Tác giả chính của báo cáo; trường hợp báo cáo có đồng Tác giả chính thì 1/3 số giờ chuẩn quy đổi sẽ chia đều cho các Tác giả chính), 2/3 số giờ chuẩn quy đổi còn lại chia cho tất cả các thành viên (bao gồm cả Tác giả chính); trường hợp không thể xác định được cụ thể đóng góp của mỗi người thì chia đều cho từng người.
---	---------------------------------------------	-----	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**c. Các đề tài/dự án Khoa học Công nghệ** (do cán bộ chủ trì, tham gia tổ chức, triển khai thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu được đánh giá từ mức “Đạt” trở lên)

TT	Cấp thực hiện	Mức giờ quy đổi	Ghi chú
1	Đề tài, dự án cấp Nhà nước và tương đương	2200/ Công trình	- Các đề tài, dự án, nhiệm vụ các cấp gọi chung là công trình; các công trình cấp Nhà nước, cấp Bộ nhiều giai đoạn từ 2 năm trở lên, số giờ quy đổi sẽ tính cho từng năm học dựa trên kết quả Hội đồng nghiệm thu đánh giá từng phần/ toàn bộ của các công trình đó (biên bản nghiệm thu/ Quyết định thực hiện giai đoạn tiếp theo); Các ấn phẩm khoa học công bố là sản phẩm của đề tài, dự án, nhiệm vụ được quy đổi riêng theo quy định hiện hành; - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được điểm công trình quy đổi được nêu ở đây là quy chuẩn, tiêu chuẩn do Nhà trường nhận và giao nhiệm vụ cho các khoa/ viện chuyên môn để tiến hành đọc và góp ý. Số giờ chuẩn quy đổi đối với hoạt động đọc và góp ý quy chuẩn, tiêu chuẩn sẽ chia đều cho các thành viên tham gia phản biện/ thẩm
	Phản biện đề tài cấp Nhà nước	300/ Công trình	
2	Đề tài, dự án cấp Bộ và tương đương	1400/ Công trình	
	Phản biện đề tài, dự án, nhiệm vụ cấp Bộ, Thành phố hoặc tương đương	250/ Phản biện	
3	Đề tài trọng điểm cấp Trường	1200/ Đề tài	
	Thẩm định thuyết minh đề tài cấp Trường trọng điểm	100/ Thẩm định	
	Phản biện đề tài cấp Trường trọng điểm	150/ Phản biện	
4	Đề tài, dự án cấp Trường hoặc tương đương	600/ Đề tài	
	Phản biện đề tài cấp Trường	100/ Phản biện	
5	Đọc và góp ý quy chuẩn, tiêu chuẩn	300/TC, QC	

			<p>định (có quyết định, phân công kèm theo);</p> <p>- Đề tài khoa học có nhiều người tham gia thì chủ nhiệm được tính 1/3 số giờ chuẩn quy đổi của đề tài, 2/3 số giờ còn lại chia đều cho từng người tham gia kể cả chủ nhiệm.</p>
--	--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**d. Sách chuyên khảo, sách tham khảo, chương sách chuyên khảo, giáo trình phục vụ đào tạo đại học, sau đại học (do giảng viên chủ trì hoặc tham gia biên soạn được các NXB xuất bản và có mã số chuẩn quốc tế ISBN hoặc đã hoàn tất thủ tục nghiệm thu và bàn giao bản thảo theo quy định)**

TT	Sách/ giáo trình phục vụ đào tạo	Mức giờ quy đổi	Ghi chú
1	Sách, giáo trình xuất bản trong nước		<p>- Số giờ chuẩn quy đổi được tính 01 lần cho năm xuất bản (hoặc năm hoàn thành nghiệm thu và có biên bản bàn giao bản thảo về Phòng Khoa học - Công nghệ);</p> <p>- Chỉ áp dụng giờ chuẩn quy đổi đối với các giáo trình/ tài liệu tham khảo/ sách chuyên khảo được xác nhận sử dụng trong chương trình đào tạo của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;</p> <p>- Đối với cùng 01 giáo trình/ tài liệu tham khảo/ sách chuyên khảo nếu thành viên tham gia thẩm định đồng thời là thành viên phản biện trong hội đồng nghiệm thu thì mức giờ chuẩn quy đổi sẽ được tính 01 lần/ công trình;</p> <p>- Đối với các công trình do tập thể biên soạn/ thực hiện thì Chủ biên được tính 1/3 số giờ chuẩn quy đổi (trường hợp công trình được biên soạn bởi nhiều Chủ biên thì 1/3 số giờ chuẩn quy đổi sẽ chia đều cho từng Chủ biên); 2/3 giờ chuẩn quy đổi còn lại được chia cho các tác giả tham gia thực hiện bao gồm cả tác giả chính; trường hợp không thể xác</p>
1.1	Sách chuyên khảo được xuất bản	1600	
1.2	Giáo trình, tài liệu giảng dạy được xuất bản phục vụ đào tạo đại học và sau đại học	1200	
1.3	Tài liệu tham khảo/ sách tham khảo tương đương được xuất bản	1000	
1.4	Giáo trình xuất bản trong nước tái bản có sửa chữa, bổ sung trên 50%	800	
1.5	Giáo trình xuất bản trong nước tái bản có sửa chữa, bổ sung từ 30% đến 50%	600	
1.6	Thẩm định bản thảo giáo trình/ tài liệu tham khảo/ sách chuyên khảo	200/ Thẩm định	
1.7	Phản biện giáo trình/ tài liệu tham khảo/ sách chuyên khảo	200/ Phản biện	
1.8	Hiệu đính giáo trình/ tài liệu tham khảo/ sách chuyên khảo	300/ Hiệu đính	
2	Sách xuất bản tại nước ngoài		
2.1	Sách chuyên khảo được xuất bản	2200	

2.2	Sách tham khảo được xuất bản	1000	định được cụ thể đóng góp của mỗi tác giả thì chia đều cho từng người;
2.3	Chương trong sách chuyên khảo	600	

**đ. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên/ Thi Olympic/ Thi tay nghề**

TT	Công trình hướng dẫn đạt giải	Mức giờ quy đổi	Ghi chú
1	Cấp Khoa/ Viện	200 giờ/ Công trình	- Mỗi công trình chỉ được tính giờ chuẩn quy đổi một lần theo cấp cao nhất;
2	Cấp Trường: + Đạt giải Nhất: + Đạt giải Nhì: + Đạt giải Ba: + Đạt giải Khuyến khích: + Không đạt giải:	500 giờ/ Giải; 450 giờ/ Giải; 400 giờ/ Giải; 350 giờ/ Giải; 250 giờ/ Công trình.	- Đối với các công trình do tập thể hướng dẫn thì người hướng dẫn chính được tính 1/3 số giờ chuẩn quy đổi; 2/3 giờ chuẩn quy đổi còn lại được chi cho các hướng dẫn tham gia thực hiện bao gồm cả người hướng dẫn chính; Trường hợp không thể xác định được cụ thể đóng góp của mỗi người hướng dẫn thì chia đều cho từng người.
3	Cấp Bộ/ Quốc gia trở lên: + Đạt giải Nhất: + Đạt giải Nhì: + Đạt giải Ba: + Đạt giải Khuyến khích: + Không đạt giải:	900 giờ/ Giải (đội thi); 800 giờ/ Giải (đội thi); 700 giờ/ Giải (đội thi); 600 giờ/ Giải (đội thi); 550 giờ/ Giải (đội thi).	

**e. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, chuyển giao kết quả NCKH với các doanh nghiệp, các tổ chức, đơn vị ngoài trường**

TT	Nội dung hoạt động	Mức giờ quy đổi	Ghi chú
1	Kết quả ứng dụng khoa học công nghệ được cấp bằng độc quyền sáng chế (có văn bằng được cấp)	2200	Kết quả ứng dụng, chuyển giao có nhiều người tham gia thì chủ nhiệm được tính 1/3 số giờ chuẩn quy đổi (Các công trình có nhiều chủ nhiệm hoặc cùng đứng tên thì 1/3 số giờ chuẩn quy đổi sẽ chia đều cho các thành viên là chủ nhiệm hoặc cùng đứng
2	Giải pháp hữu ích được ứng dụng có hiệu quả (có xác nhận của đơn vị được ứng dụng)	1200	
3	Hợp đồng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn từ các đề tài NCKH của Nhà trường	1,0 giờ chuẩn/ 1 triệu đồng doanh thu	

4	Hợp đồng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn từ các đề tài NCKH của giảng viên Nhà trường tham gia với các tổ chức ngoài trường	0,5 giờ chuẩn/ 1 triệu đồng doanh thu	tên), 2/3 số giờ chuẩn quy đổi còn lại chia đều cho từng người tham gia kể cả chủ nhiệm.
---	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------

6. Miễn thực hiện định mức giờ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên tập sự, giảng viên đang công tác tại các đơn vị khối hành chính, phục vụ.

7. Giảng viên được cử đi học tập, bồi dưỡng, đi công tác và nghỉ theo chế độ BHXH được miễn giảm mỗi tháng tương ứng với 10% định mức giờ nghiên cứu khoa học trong năm học.

8. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; Cho phép bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học (quy đổi theo tỷ lệ định mức giờ chuẩn giảng dạy và định mức giờ nghiên cứu khoa học).

9. Các trường hợp đặc biệt do lãnh đạo Trường xem xét, quyết định.

### Chương III

## QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VƯỢT ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

### **Điều 7. Quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy**

#### 1. Giảng dạy

a) Một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến cho tối đa 40 sinh viên được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy;

b) Một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy;

c) Đối với lớp học có trên 40 sinh viên, một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến có thể nhân hệ số quy đổi lớp đông (bao gồm cả tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, môn học giáo dục thể chất) như sau:

STT	Số lượng sinh viên/ Lớp học phần	Hệ số quy đổi lớp đông	Ghi chú
1	Từ 01 - 40 sinh viên	1,0	
2	Từ 41 - 60 sinh viên	1,1	
3	Từ 61 - 80 sinh viên	1,2	
4	Từ 81 - 100 sinh viên	1,4	
5	Trên 100 sinh viên	1,5	

d) Một tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ hoặc một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn giảng dạy;

đ) Một tiết hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm, thảo luận trên lớp được tính tối đa 1,0 giờ chuẩn giảng dạy;

e) Hướng dẫn thực tập: 1 ngày làm việc được tính tối đa 2,5 giờ chuẩn giảng dạy;

g) Hướng dẫn làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học được tính tối đa 25 giờ chuẩn giảng dạy cho một đồ án, khóa luận;

h) Hướng dẫn làm luận văn thạc sĩ được tính tối đa 70 giờ chuẩn giảng dạy cho một luận văn;

i) Hướng dẫn làm luận án tiến sĩ được tính tối đa 200 giờ chuẩn giảng dạy cho một luận án.

Việc quy đổi cụ thể thời gian thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo trình độ đại học và sau đại học ra giờ chuẩn; các hệ số phụ thêm được quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

## 2. Các hoạt động chuyên môn khác

a) Việc quy đổi thời gian thực hiện các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn giảng dạy do Hiệu trưởng quy định phù hợp với nhiệm vụ cụ thể;

b) Đối với các nhiệm vụ đã có kinh phí hỗ trợ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không thực hiện quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra giờ chuẩn giảng dạy. Tuy nhiên, các nhiệm vụ này được xem xét tính vào tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức lao động.

### **Điều 8. Chế độ làm việc vượt định mức lao động**

Trong một năm học, giảng viên giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định của pháp luật. Hiệu trưởng căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước, quy định và điều kiện thực tế của Trường để quyết định chế độ chi trả các chính sách cho phù hợp.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị**

Thủ trưởng các đơn vị căn cứ quy định này để xây dựng kế hoạch giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Trường, đơn vị; phân công nhiệm vụ cho từng giảng viên đảm bảo yêu cầu về tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học và theo từng nhiệm vụ cụ thể của từng chức danh giảng viên.



**Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ năm học 2020-2021.
2. Quy định này thay thế Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2239/QĐ-ĐHHHVN-TCCB ngày 20/10/2016.
3. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường./.



PGS.TS. Phạm Xuân Dương

